|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  Số: /TTr-BGDĐT  DT 24.9.25 | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**    *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo**

Kính gửi: Chính phủ

Căn cứ theo mục 1 phần IV Nghị quyết 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo: *“Đảng ủy Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, hoàn thiện pháp luật về đổi mới, phát triển giáo dục và đào tạo; phối hợp chặt chẽ với Đảng uỷ Chính phủ thể chế hoá thành Nghị quyết đặc thù về một số chủ trương, chính sách nêu trong Nghị quyết này và bố trí đủ nguồn lực để thực hiện ngay từ năm 2025; tăng cường giám sát thực hiện theo quy định”*; ngày 05/9/2025, Văn Phòng Chính phủ có Công văn số 8325/VPCP-KGVX , trong đó Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Giáo dục và Đào tạo *“xây dựng, trình Quốc hội xem xét, ban hành Nghị quyết của Quốc hội về những cơ chế, chính sách đặc biệt để thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị tại Kỳ họp thứ 10 để đưa vào triển khai ngay từ năm 2026”*

Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đã chủ động, phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành có liên quan kịp thời xây dựng *Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo* *(sau đây gọi là Nghị quyết)* theo đúng quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Bộ GDĐT kính trình Chính phủ dự thảo hồ sơ Nghị quyết như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Trong suốt quá trình phát triển đất nước, Đảng và Nhà nước ta luôn dành sự quan tâm đặc biệt, coi giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu. Các kỳ Đại hội gần đây của Đảng đều xác định nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong ba đột phá chiến lược; phát triển con người Việt Nam là mục tiêu, trung tâm, chủ thể và động lực quan trọng nhất cho phát triển đất nước. Để hiện thực hóa các chỉ đạo trên, Đảng, Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách lớn về phát triển giáo dục và đào tạo như sau:

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương đã chỉ đạo: (i) Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; (ii) Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là đổi mới những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết, từ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, nội dung, phương pháp, cơ chế, chính sách, điều kiện bảo đảm thực hiện; (iii) Phát triển giáo dục và đào tạo là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài; (iv) Phát triển giáo dục và đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc; với tiến bộ khoa học và công nghệ; phù hợp quy luật khách quan; (v) Chuẩn hóa, hiện đại hóa giáo dục và đào tạo;...

- Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị đã chỉ đạo tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, trong đó nhấn mạnh: (i) Đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư cho phát triển, được ưu tiên trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; (ii) Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục chính trị, tư tưởng cho học sinh, sinh viên; (iii) Tập trung đầu tư hiện đại hóa giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và nâng cao tiềm lực nghiên cứu khoa học trong các cơ sở giáo dục, đào tạo, đẩy mạnh chuyển đổi trong giáo dục và đào tạo; (iv) Tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở, linh hoạt, liên thông, thúc đẩy xã hội học tập và học tập suốt đời; (v) Phát triển, nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp, bảo đảm đủ số lượng giáo viên theo định mức quy định; (vi) Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, bảo đảm đủ điều kiện cơ sở vật chất và nguồn lực tài chính cho phát triển giáo dục và đào tạo; bảo đảm ngân sách nhà nước chi cho giáo dục, đào tạo tối thiểu 20% tổng chi ngân sách nhà nước; (vii) Tập trung nâng cao năng lực ngoại ngữ của học sinh, sinh viên, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

- Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, xác định các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030: “*hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi*”, đồng thời yêu cầu “*Ðảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ; các Bộ, ngành; tỉnh ủy, thành ủy; các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ các cấp khẩn trương thực hiện Nghị quyết*”.

- Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới, đã chỉ rõ mục tiêu đến năm 2030: (i) Phát triển đội ngũ trí thức về số lượng và chất lượng, nhất là đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành trong lĩnh vực then chốt, trọng yếu, lĩnh vực mới đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; (ii) Phát triển một số cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học đạt trình độ tiên tiến, thuộc nhóm hàng đầu Châu Á; trong đó Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh được xếp hạng trong nhóm 500 đại học hàng đầu thế giới; (iii) Tăng số lượng phát minh, sáng chế, công trình khoa học trong bảng xếp hạng của khu vực và thế giới; sản phẩm khoa học, công nghệ, tác phẩm văn học, nghệ thuật đỉnh cao; công trình công bố trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị chỉ rõ mục tiêu đến năm 2030: Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, cần phải đầu tư mạnh mẽ cho phát triển giáo dục đại học nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực, đồng thời phát huy vai trò của các cơ sở giáo dục đại học là các chủ thể nghiên cứu mạnh, gắn kết chặt chẽ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao với phát triển khoa học, công nghệ.

- Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đã chỉ rõ mục tiêu: Phấn đấu đến năm 2030 thu hút 50-55% học sinh trung học vào hệ thống giáo dục nghề nghiệp; đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho khoảng 50% lực lượng lao động; có khoảng 90 cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, trong đó có một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện chức năng trung tâm quốc gia, trung tâm vùng; một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4, G20; có khoảng 200 ngành, nghề trọng điểm, trong đó có 15-20 ngành, nghề có năng lực cạnh tranh vượt trội trong khu vực ASEAN và thế giới. Đến năm 2045, đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề cao của nước phát triển, đạt trình độ tiên tiến của thế giới.

- Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo (Nghị quyết 71-NQ/TW) là cơ sở chính trị trực tiếp, toàn diện và quan trọng nhất, mang tính mệnh lệnh chính trị, yêu cầu phải có một Nghị quyết đặc thù của Quốc hội để “*khai thông điểm nghẽn, tạo đột phá, hiện đại hóa, chấn hưng giáo dục*”. Nghị quyết 71-NQ/TW đã giao Đảng ủy Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, hoàn thiện pháp luật về đổi mới, phát triển giáo dục và đào tạo; phối hợp chặt chẽ với Đảng ủy Chính phủ thể chế hóa thành Nghị quyết đặc thù về một số chủ trương, chính sách nêu trong Nghị quyết này và bố trí đủ nguồn lực để thực hiện ngay từ năm 2025.

**2. Cơ sở thực tiễn**

Thời gian qua, mặc dù Ngành Giáo dục đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, nhưng Việt Nam vẫn đang đối mặt với những “điểm nghẽn” mang tính hệ thống, cản trở sự phát triển đột phá, ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực cạnh tranh quốc gia. Trong đó:

*Thứ nhất, bất cập, chồng chéo về thể chế, chính sách*:

Dù Luật Giáo dục đại học trao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục, nhưng các luật chuyên ngành khác lại tạo ra những rào cản gần như không thể vượt qua. Ví dụ như xung đột giữa quyền tự chủ về tài chính, tài sản theo Luật Giáo dục đại học với các quy định về phê duyệt của cơ quan chủ quản trong Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Luật Ngân sách Nhà nước, khiến quyền tự chủ chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Cơ chế quản lý nhà nước còn phân mảnh, nhiều đầu mối, dẫn đến tình trạng chồng chéo, thiếu thống nhất. Ngành Giáo dục chịu trách nhiệm nặng nề về chất lượng nhưng lại không được giao đủ quyền hạn tương xứng trong việc phân bổ, quản lý và sử dụng các nguồn lực về đội ngũ và kinh phí.

Chính sách xã hội hóa giáo dục chưa thực sự phát huy hiệu quả do thiếu các cơ chế đủ hấp dẫn. Quy định về tổng mức đầu tư tối thiểu 100 tỷ đồng đối với các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo được đánh giá là quá cao, không phù hợp với khả năng của đa số nhà đầu tư trong nước, vô hình trung loại bỏ các dự án quy mô vừa và nhỏ, làm hạn chế đáng kể việc huy động nguồn lực xã hội cho phát triển giáo dục.

*Thứ hai, thực trạng đáng báo động về đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý:*

Tình trạng thừa thiếu giáo viên cục bộ xảy ra nhiều năm qua ảnh hưởng trực tiếp đến việc triển khai chương trình giáo dục. Theo thống kê, tính đến tháng 5/2025, cả nước còn thiếu 102.097 giáo viên các cấp học mầm non, phổ thông trong biên chế so với định mức, và các báo cáo gần đây cho thấy con số này có thể lên tới hơn 120.000 người. Tình trạng này gây quá tải cho đội ngũ hiện có, làm giảm chất lượng dạy và học, đặc biệt thiếu trầm trọng ở bậc mầm non và các môn học mới của chương trình giáo dục phổ thông 2018. Nguyên nhân của thực trạng trên là do chính sách đãi ngộ chưa tương xứng. Chủ trương của Đảng về lương của nhà giáo được ưu tiên trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp đã không được thực hiện trong thực tế. So sánh với các ngành nghề khác, lương của nhà giáo hiện đang ở mức thấp, đặc biệt là đối với giáo viên mới vào nghề, không đủ sức hấp dẫn để thu hút người giỏi và giữ chân đội ngũ. Mức lương khởi điểm thấp, phụ cấp chưa thực sự tương xứng với áp lực công việc ngày càng tăng dẫn đến nhiều giáo viên nghỉ việc, chuyển việc.

*Thứ ba, hạn chế nghiêm trọng về nguồn lực tài chính và đầu tư:*

Đầu tư cho giáo dục chưa được coi là đầu tư phát triển đúng nghĩa. Trong giai đoạn 2013-2024, tỷ lệ chi ngân sách nhà nước (NSNN) cho giáo dục chưa năm nào đạt được mục tiêu tối thiểu 20% tổng chi NSNN theo Nghị quyết của Đảng và Quốc hội. Cơ cấu chi tiêu bất hợp lý, chi thường xuyên chiếm tới 82,4%, trong khi chi đầu tư chỉ chiếm 17,6%. Tỷ lệ này không đủ để cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới cơ sở vật chất vốn đã thiếu thốn và xuống cấp ở nhiều nơi, đặc biệt là ở các vùng sâu, vùng xa. Đầu tư cho giáo dục đại học suy giảm, tỷ lệ chi NSNN cho giáo dục đại học đã giảm từ 9,3% tổng chi cho giáo dục năm 2013 xuống chỉ còn 3,4% vào năm 2024. Tỷ lệ này, quy đổi ra GDP, chỉ chiếm khoảng 0,11%, thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực và thế giới. Suất chi bình quân trên mỗi sinh viên của Việt Nam thấp so với sinh viên nhiều quốc gia (khoảng 1.100 USD/năm). Thiếu hụt đầu tư nghiêm trọng gây cản trở mục tiêu phát triển giáo dục đại học, nâng tầm các trường đại học Việt Nam lên đẳng cấp khu vực và thế giới.

*Thứ tư, rào cản trong thu hút nhân tài và hội nhập quốc tế:*

Trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu về nhân lực chất lượng cao, quy định hiện hành của Việt Nam về thủ tục thị thực và giấy phép lao động cho chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài còn phức tạp, rườm rà tạo ra rào cản hành chính không cần thiết.

Bên cạnh đó, còn có những bất cập khác như:

- Tiếp cận giáo dục sau trung học cơ sở còn thấp, có chênh lệch đáng kể giữa các vùng miền và nhóm đối tượng[[1]](#footnote-1). Đội ngũ nhà giáo và điều kiện học tập ở nhiều nơi còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, phát triển con người toàn diện[[2]](#footnote-2).

- Giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp có khoảng cách lớn so với các nước tiên tiến[[3]](#footnote-3). Trình độ, năng lực của lực lượng lao động còn thấp, đặc biệt đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ rất mỏng [[4]](#footnote-4). Quy mô đào tạo tiến sĩ rất nhỏ, nhất là ở các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ[[5]](#footnote-5).

- Môi trường giáo dục trong nhà trường chịu tác động từ cơ chế thị trường ở một số phương diện tiêu cực; đánh giá chất lượng giáo dục còn hình thức, nặng về thành tích, áp lực thi cử còn căng thẳng.

Để tiếp tục có căn cứ chính trị và pháp lý đột phá, quan trọng, tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số ngày càng sâu rộng như hiện nay; đồng thời, đảm bảo đầy đủ cơ sở pháp lý để triển khai Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị (nêu trên), việc xây dựng trình Quốc hội ban hành Nghị quyết là cần thiết.

**II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**1. Mục đích ban hành**

**-** Triển khai hiệu quả Nghị quyết 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính đồng bộ, toàn diện, sâu rộng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, góp phần thiết thực xây dựng, phát triển nền giáo dục nước nhà.

- Về giáo dục nghề nghiệp, có giải pháp đột phá nâng cao kỹ năng nghề và phân luồng đào tạo để đáp ứng nhu cầu nhân lực cho thị trường lao động trong nước và đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

- Về giáo dục đại học, chú trọng đột phá về chất lượng và quy mô; hiện đại hóa giáo dục đại học; đẩy mạnh tự chủ toàn diện; rà soát, sắp xếp, quy hoạch lại hệ thống các trường đại học bảo đảm thực sự hiệu quả. Đào tạo trên đại học cần tập trung đào tạo nhân lực các lĩnh vực mũi nhọn, quan trọng như công nghiệp đường sắt tốc độ cao, kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo, bán dẫn,…

- Nâng cao chất lượng, năng lực và tính sẵn sàng của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và người học để đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, chủ động chuyển đổi số, hội nhập quốc tế và phát triển toàn diện người học.

**2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết**

- Giáo dục là quốc sách hàng đầu, động lực then chốt cho phát triển bền vững. Giáo dục và đào tạo là nền tảng, trụ cột của xã hội, có vai trò quyết định tương lai của dân tộc. Đổi mới mạnh mẽ tư duy, nhận thức và hành động,thực sự coi giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu để phát triển đất nước giàu mạnh, phồn vinh trong kỷ nguyên mới. Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, vai trò chủ đạo của Nhà nước, phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị và toàn xã hội cho phát triển giáo dục và đào tạo.

- Con người là trung tâm, chủ thể và mục tiêu cao nhất của quá trình giáo dục. Giáo dục và đào tạo có sứ mệnh phát triển toàn diện con người Việt Nam cả về “Đức - Trí - Thể - Mỹ”, gắn với phát triển văn hóa, thúc đẩy tiến bộ xã hội, đồng thời đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có trình độ và kỹ năng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, góp phần nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế vì cuộc sống ấm no, hạnh phúc của nhân dân.

- Tiếp tục nhận thức đầy đủ, sâu sắc và cụ thể hóa quan điểm chỉ đạo của Đảng về giáo dục và đào tạo, phát triển con người Việt Nam, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Nhìn thẳng vào sự thật, tập trung đánh giá thẳng thắn những tồn tại, hạn chế, điểm nghẽn; xác định tư duy, tầm nhìn dài hạn gắn với các mục tiêu phát triển đất nước, có lộ trình bước đi cụ thể cho từng giai đoạn.

- Bảo đảm tính chiến lược, xác định rõ vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, sự tham gia của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

- Bảo đảm tính hành động và đột phá; lựa chọn những vấn đề cốt lõi, đề xuất những chủ trương, giải pháp mạnh mẽ hơn nữa, tạo đột phá thực sự, chấn hưng nền giáo dục nước nhà trong giai đoạn tới.

- Bảo đảm tính khả thi, các mục tiêu phải phù hợp với trình độ và điều kiện đất nước trong từng giai đoạn; mỗi sự thay đổi cần nghiên cứu kỹ và tuyên truyền đầy đủ để tạo đồng thuận cao trong tổ chức thực hiện.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Bộ GDĐT đã tổ chức xây dựng Nghị quyết của Quốc hội như sau:

- Ngày 22/8/2025, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.* Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị, Bộ GDĐT đã xây dựng dự thảo Tờ trình của Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Tờ trình Chính phủ về việc đề nghị điều chỉnh Chương trình lập pháp năm 2025 đối với Nghị quyết nêu trên.

- Ngày 08/9/2025, Bộ GDĐT có Tờ trình số 1535/TTr-BGDĐT ngày 08/9/2025 về việc đề xuất bổ sung Nghị quyết vào Chương trình lập pháp năm 2025 theo trình tự, thủ tục rút gọn. Đồng thời, gửi Bộ Tư pháp Công văn số 5384/BGDĐT-PC ngày 08/9/2025 về việc cho ý kiến đối với hồ sơ trình đề xuất bổ sung Chương trình lập pháp năm 2025 của Quốc hội.

- Căn cứ theo Nghị quyết số 277/NQ-CP của Chính phủ ngày 12/9/2025 về việc đồng ý với đề xuất bổ sung Nghị quyết vào Chương trình lập pháp năm 2025, đồng ý với đề xuất xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn và giao Bộ trưởng Bộ GDĐT ký thừa ủy quyền tờ trình của Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Bộ trưởng Bộ GDĐT đã ký tờ trình số 777/TTr-CP ngày 13/9/2025 gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị điều chỉnh Chương trình lập pháp năm 2025.

- Ngày 12/9/2025, Bộ GDĐT có Công văn số 5588/BGDĐT-PC gửi lấy ý kiến Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tư pháp, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Nội vụ, Bộ Văn hóa, thể theo và Du lịch và Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc đề nghị rà soát, đề xuất các nội dung đưa vào Dự thảo Nghị quyết và đề xuất thành viên tham gia Ban Soạn thảo Nghị quyết.

- Ngày 19/9/2025 Bộ GDĐT có Công văn số …./BGDĐT-PC và Công văn số….gửi lấy ý kiến các Bộ. ngành và UBND các cấp về việc góp ý nội dung đưa Dự thảo Nghị quyết.

- Ngày………., Bộ GDĐT có Công văn số …………../BGDĐT-PC gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của Quốc hội.

- Ngày………., Bộ Tư pháp có báo cáo thẩm định số……./BCTĐ-BTP gửi Chính phủ về ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết.

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:** Nghị quyết quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo áp dụng đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, các tổ chức và cá nhân có liên quan.

**2. Bố cục của dự thảo Nghị quyết:** Nghị quyết bao gồm 10 Điều, cụ thể như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng áp dụng một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Điều 3. Tổ chức hệ thống, nhân lực và quản trị cơ sở giáo dục

Điều 4. Chương trình, nội dung và cơ chế phát triển giáo dục

Điều 5. Chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong giáo dục

Điều 6. Hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo

Điều 7. Quỹ học bổng Quốc gia

Điều 8. Tài chính và đầu tư cho giáo dục và đào tạo

Điều 9. Tổ chức thực hiện

Điều 10. Điều khoản thi hành

**3. Nội dung cơ bản**

Trên cơ sở rà soát các vướng mắc, khó khăn, bất cập của hoạt động giáo dục và đào tạo hiện nay, dự thảo Nghị quyết dự kiến sẽ tập trung giải quyết các vấn đề mang tính đột phá, chiến lược để thể chế hóa Nghị quyết 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị và để phát triển giáo dục và đào tạo như sau:

***Thứ nhất, nhóm chính sách về tổ chức, nhân lực và quản trị (Điều 3)*** được xây dựng nhằm giải quyết vấn đề nhân lực ngành giáo dục, bao gồm tình trạng thừa thiếu giáo viên cục bộ, chế độ đãi ngộ bất cập và các rào cản hành chính trong việc tuyển dụng, sử dụng nhân tài, chuyên gia. Trong đó:

*Về thẩm quyền của cơ quan quản lý trực tiếp* ***(Điều 3.2)****:* Cơ quan quản lý trực tiếp bổ nhiệm nhân sự người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập phù hợp với quy định của Đảng và Pháp luật có liên quan (trừ các Đại học Quốc gia); được phép quy định số lượng cấp phó của người đứng đầu khác với cơ cấu nhân sự trong giai đoạn chuyển tiếp bãi bỏ hội đồng trường của cơ sở giáo dục đại học công lập.

*Về thẩm quyền của Giám đốc Sở GDĐT* ***(Điều 3.3)****:* Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo có thẩm quyền tuyển dụng, tiếp nhận, điều động, thuyên chuyển, biệt phái nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn cấp tỉnh.

*Về thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ GDĐT (****Khoản 4****)*: Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn, tiêu chí đối với Giám đốc và Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo bảo đảm lựa chọn, bổ nhiệm người có trình độ chuyên môn, năng lực quản lý và kinh nghiệm phù hợp với yêu cầu lãnh đạo, quản lý ngành giáo dục tại địa phương.

*Về phụ cấp ưu đãi đặc thù* ***(Điều 3.5.a)****:* Nâng phụ cấp ưu đãi nghề lên mức tối thiểu 70% đối với giáo viên mầm non, phổ thông, trung học nghề; 30% đối với nhân viên trường học; 100% đối với nhà giáo công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các cơ sở giáo dục cho người khuyết tật, trường chuyên biệt. Chính sách cụ thể hóa trực tiếp yêu cầu tại Nghị quyết 71-NQ/TW, là giải pháp chiến lược, cấp bách để ngăn chặn tình trạng giáo viên rời bỏ ngành, tạo sức hút để tuyển dụng mới, từng bước giải quyết tình trạng thiếu hụt giáo viên hiện nay.

*Về cơ chế tuyển dụng* ***(Điều 3.5.b)****:* Cho phép các địa phương được áp dụng chính sách đãi ngộ linh hoạt, có thể không phụ thuộc vào hệ thống thang bảng lương viên chức chung, tạo điều kiện để cạnh tranh bình đẳng trên thị trường lao động toàn cầu.

*Về cơ chế đồng cơ hữu* ***(Điều 3.5.c)****:* Cho phép các chuyên gia, nhà khoa học từ các cơ sở nghiên cứu, cơ sở khám chữa bệnh, doanh nghiệp có thể kiêm nhiệm giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục nhằm tối ưu hóa nguồn nhân lực trí thức chất lượng cao của xã hội, không tăng biên chế, đồng thời tăng cường liên kết giữa đào tạo - nghiên cứu - sản xuất kinh doanh.

***Thứ hai, nhóm chính sách về chương trình, nội dung và cơ chế phát triển giáo dục (Điều 4 dự thảo Nghị quyết)*** được xây dựng nhằm tháo gỡ thủ tục hành chính trong thẩm định, phê duyệt và thí điểm chương trình giáo dục mới, tạo không gian và động lực cho sự đổi mới, sáng tạo từ cấp cơ sở, đáp ứng nhanh với sự thay đổi của thực tiễn.Trong đó:

*Về trách nhiệm của Chính phủ* ***(Điều 4.1)****:* Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục:

a) Quyết định các chủ trương lớn có ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ học tập của công dân trong phạm vi cả nước;

b) Quyết định cải cách nội dung chương trình của từng cấp học; quyết định việc áp dụng đại trà chính sách mới trong giáo dục đã được thí điểm thành công, khi việc áp dụng đó ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ học tập của công dân trên phạm vi cả nước;

c) Quy định cơ chế khuyến khích và chính thức hóa mô hình đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp; cơ chế đồng tài trợ, đồng phát triển chương trình và công nhận kết quả học tập, kỹ năng do doanh nghiệp tổ chức đào tạo, phù hợp với pháp luật;

*Về trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo* ***(Điều 4.2)****:* Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo:

a) Hằng năm báo cáo Chính phủ về hoạt động giáo dục và việc thực hiện ngân sách giáo dục; chỉ đạo đổi mới chương trình giáo dục mầm non nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện của trẻ em ngay từ giai đoạn đầu;

b) Cho phép thí điểm triển khai chương trình giáo dục đổi mới (tích hợp, STEM/STEAM, song ngữ, quốc tế) và thành lập Hội đồng kỹ năng nghề ở một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, ưu tiên; việc thẩm định, phê duyệt chương trình và quy định cơ chế hoạt động của Hội đồng kỹ năng nghề do Bộ trưởng quy định;

c) Cho phép cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp xây dựng và triển khai chương trình đào tạo mở, linh hoạt, gắn với nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ và nhu cầu thị trường lao động; đồng thời quy định việc công nhận kết quả học tập, tín chỉ, chứng chỉ và kỹ năng tích lũy từ nhiều hình thức học tập, bảo đảm chuẩn đầu ra, kiểm định chất lượng, tính liên thông trong hệ thống giáo dục quốc dân, thúc đẩy học tập suốt đời và hội nhập quốc tế;

d) Thực hiện cơ chế đặc thù để tiếp nhận, chuyển giao, đặt hàng chương trình đào tạo nghề chất lượng cao từ các quốc gia tiên tiến trong các lĩnh vực công nghệ lõi, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, năng lượng tái tạo, công nghệ sinh học, tự động hóa, cơ khí chính xác; lựa chọn cơ sở trọng điểm để tổ chức thí điểm, tiến tới nhân rộng;

đ) Chịu trách nhiệm về việc chủ trì tổ chức thực hiện và quyết định sử dụng một bộ sách giáo khoa giáo dục phổ thông để áp dụng thống nhất toàn quốc theo lộ trình phù hợp, bảo đảm hiệu quả và tiết kiệm.

*Áp dụng cơ chế đặc thù trong giáo dục và đào tạo đối với các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao thành tích cao (****Điều 4.3****):* Chính phủ quy định cơ chế, chính sách đối với các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao thành tích cao, bao gồm: phát hiện, tuyển chọn và đào tạo tài năng từ sớm; áp dụng chuẩn nghề nghiệp riêng cho giảng viên, huấn luyện viên, nghệ sĩ; ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đặc thù phục vụ đào tạo và thực hành; thực hiện chính sách đãi ngộ gắn với thành tích quốc gia, quốc tế; đặt hàng đào tạo nhân lực chất lượng cao gắn với nhu cầu doanh nghiệp và thị trường lao động.

***Thứ ba, nhóm chính sách về chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong giáo dục (Điều 5 dự thảo Nghị quyết)*** nhằm đáp ứng yêu cầu của Chương trình Chuyển đổi số quốc gia và xu thế phát triển tất yếu của giáo dục thế giới, khắc phục tình trạng hạ tầng số và các nền tảng ứng dụng trong ngành còn manh mún, thiếu đồng bộ, chưa phát huy hiệu quả. Trong đó:

*Về thí điểm mô hình hợp tác giữa Nhà nước, nhà trường và doanh nghiệp* ***(Điều 5.1)****:* Thực hiện thí điểm mô hình hợp tác giữa Nhà nước, nhà trường và doanh nghiệp để xây dựng Nền tảng giáo dục quốc gia thông minh, gồm nền tảng quản trị cơ sở giáo dục và nền tảng dạy học ứng dụng trí tuệ nhân tạo có kiểm soát, bảo đảm mỗi học sinh có một gia sư ảo, mỗi giáo viên có một trợ lý ảo, nhằm cá nhân hóa việc học tập, đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá phù hợp với ngôn ngữ, văn hóa và pháp luật Việt Nam.

*Về phát triển hệ thống thông tin giáo dục và nhân lực quốc gia* ***(Điều 5.2)****:* Phát triển hệ thống thông tin giáo dục và nhân lực quốc gia, bảo đảm kết nối, liên thông với hệ thống thông tin thị trường lao động, việc làm và tích hợp dữ liệu về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo của các cơ sở giáo dục, phục vụ đánh giá, dự báo cung – cầu nhân lực, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và chất lượng giáo dục, đào tạo.

*Về thu hút chuyên gia, nhà khoa học* ***(Điều 5.3)****:* Thí điểm sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước để thu hút chuyên gia, nhà khoa học có trình độ cao ở nước ngoài tham gia nghiên cứu, phát triển công nghệ chiến lược tại các cơ sở giáo dục đại học.

*Về thí điểm mô hình giáo dục đại học số* ***(Điều 5.3)****:* Chính sách giúp tối ưu hóa nguồn lực, cho phép các trường đại học liên kết, chia sẻ học liệu số, đội ngũ giảng viên, phòng thí nghiệm ảo, từ đó tạo ra một hệ sinh thái giáo dục đại học kết nối, hiệu quả và có khả năng tiếp cận rộng rãi hơn.

*Về phát triển phòng thí nghiệm dùng chung* ***(Điều 5.4)****:* Xây dựng cơ chế hợp tác giữa Nhà nước, nhà trường và doanh nghiệp để đầu tư phát triển phòng thí nghiệm dùng chung, tăng cường đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, ưu tiên các lĩnh vực công nghệ chiến lược.

***Thứ tư, nhóm chính sách về hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo*** ***(Điều 6 dự thảo Nghị quyết)*** Phá bỏ các rào cản hành chính, tạo ra một môi trường thực sự mở và cạnh tranh để thu hút nhân tài toàn cầu, nâng cao vị thế và sức hấp dẫn của giáo dục Việt Nam trên trường quốc tế. Trong đó:

*Về miễn thị thực và giấy phép lao động* ***(Điều 6.1)***: Chính sách đột phá, chuyển đổi cách tiếp cận từ rào cản hành chính sang lợi thế cạnh tranh. Chính sách thí điểm miễn thị thực và giấy phép lao động trong 05 năm cho nhóm đối tượng chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài, hướng tới mục tiêu đề ra tại Nghị quyết 71-NQ/TW là tuyển dụng ít nhất 2.000 giảng viên giỏi từ nước ngoài.

*Về xác nhận quản lý* ***(Điều 6.2)****:* Các đại học và cơ sở giáo dục đại học trọng điểm được phép xác nhận trường hợp chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài có trình độ tiến sĩ được mời làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật tại cơ sở mình không thuộc diện phải cấp giấy phép lao động theo tiêu chí do do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Việc xác nhận của cơ sở giáo dục đại học thay thế thủ tục xin xác nhận tại cơ quan có thẩm quyền ở địa phương. Cơ sở giáo dục đại học chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của văn bằng, chứng chỉ và điều kiện làm việc của chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài theo quy định của pháp luật.

*Về tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế* ***(Điều 6.3)****:* Cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế trong các ngành, lĩnh vực đặc thù theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; thực hiện thông báo theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

*Về liên kết thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam* ***(Điều 6.4)****:* Khuyến khích cơ sở giáo dục đại học Việt Nam và cơ sở giáo dục đại học nước ngoài thuộc nhóm 500 cơ sở giáo dục đại học được xếp thứ hạng cao nhất trong các bảng xếp hạng cơ sở giáo dục đại học có uy tín trên thế giới của một trong ba năm gần nhất liên kết thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam theo phương thức đối tác công tư (PPP) trong lĩnh vực giáo dục.

*Về cho phép sinh viên quốc tế làm thêm* ***(Điều 6.5)***: Chính sách cho phép sinh viên quốc tế được phép làm thêm tối đa 20 giờ/tuần để đảm bảo chi phí sinh hoạt, trải nghiệm văn hóa, môi trường làm việc tại Việt Nam, góp phần thu hút thêm sinh viên quốc tế.

***Thứ năm, nhóm chính sách về về Quỹ học bổng Quốc gia (Điều 7)*** nhằm tạo ra một cơ chế tài chính linh hoạt, bổ sung ngân sách nhà nước, để tài trợ cho các ý tưởng, dự án đổi mới, đột phá mà cơ chế ngân sách truyền thống khó đáp ứng kịp thời và hiệu quả. Chính sách quy định Quỹ sẽ hoạt động như một “quỹ đầu tư” cho các sáng kiến giáo dục, ưu tiên tài trợ cho các dự án thí điểm đổi mới chương trình, phương pháp dạy học, các nghiên cứu khoa học giáo dục có tính ứng dụng cao, các dự án chuyển đổi số và cấp học bổng cho các tài năng trẻ. Với nguồn vốn đa dạng từ ngân sách, xã hội hóa và các nguồn viện trợ, Quỹ sẽ là đòn bẩy tài chính quan trọng, thúc đẩy sự sáng tạo và đổi mới từ cấp cơ sở.

Quỹ học bổng Quốc gia (sau đây gọi là Quỹ), trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo. ***(Điều 7.1)***

Nguồn hình thành Quỹ gồm: ngân sách nhà nước; đóng góp, tài trợ, viện trợ của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. (***Điều 7.2)***

Nhiệm vụ của Quỹ ***(Điều 7.3):***

a) Cấp học bổng tài năng, hỗ trợ phát triển nhân lực chất lượng cao, ưu tiên hỗ trợ học bổng cho nghiên cứu sinh và học viên cao học tài năng trong các ngành khoa học công nghệ cơ bản;

b) Khuyến khích, hỗ trợ học tập, nghiên cứu của học sinh, sinh viên, học viên sau đại học và nhà giáo;

c) Hỗ trợ phát triển kỹ năng nghề cho người học và người lao động trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên, gắn với nhu cầu thị trường lao động và hội nhập quốc tế;

d) Phát huy hiệu quả các quỹ khuyến tài, khuyến học và các quỹ phát triển kỹ năng khác từ nguồn ngân sách và xã hội hóa theo quy định của pháp luật.

Chính phủ ban hành quy chế tổ chức, quản lý và sử dụng Quỹ, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, có kiểm toán độc lập; đồng thời quy định trách nhiệm phối hợp, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan. ***(Điều 7.4)***

***Thứ sáu, nhóm chính sách về tài chính và đầu tư cho giáo dục và đào tạo (Điều 8 dự thảo Nghị quyết)*** được xây dựng nhằm giải quyết tình trạng đầu tư cho giáo dục chưa tương xứng, ngăn chặn sụt giảm ngân sách đầu tư cho giáo dục đại học và tăng cường huy động nguồn lực xã hội. Trong đó:

*Về tỷ lệ chi ngân sách* ***(Điều 8.1)****:* Quy định tỷ lệ chi tối thiểu 20% tổng chi NSNN cho giáo dục, trong đó chi đầu tư phát triển không thấp hơn 5% và chi cho giáo dục đại học không thấp hơn 3% tổng chi ngân sách nhà nước. Chính sách nhằm chấm dứt tình trạng phân bổ ngân sách không đạt mục tiêu, đảo ngược xu thế suy giảm đầu tư cho giáo dục đại học, tạo nguồn lực tài chính ổn định và nền tảng để các trường đại học nâng cao chất lượng, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học.

*Về ngân sách ưu tiên bố trí* ***(Điều 8.2)****:* Ngân sách nhà nước ưu tiên bố trí cho giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các nhóm yếu thế; đồng thời bảo đảm đầu tư thích đáng cho giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên theo định hướng phát triển nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu đổi mới sáng tạo, khoa học - công nghệ.

*Về cơ chế tài chính đặc biệt* ***(Điều 8.3)****:* Nhà nước xây dựng cơ chế tài chính để:

a) Bảo đảm điều kiện cần thiết để thực hiện chính sách giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở vào năm 2030; hoàn thành phổ cập trung học phổ thông và tương đương vào năm 2035;

b) Phân bổ ngân sách nhà nước cho các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp dựa trên sứ mạng, chất lượng và hiệu quả theo cơ chế thống nhất trong toàn ngành;

c) Ưu tiên đặt hàng, giao nhiệm vụ đối với các ngành, lĩnh vực trọng điểm theo kết quả đầu ra; đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo giáo viên, giảng viên giáo dục nghề nghiệp từ ngân sách nhà nước;

d) Bảo đảm có nguồn ngân sách riêng trong chi thường xuyên và đầu tư phát triển để tăng cường đầu tư, hỗ trợ các nhiệm vụ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo trong giáo dục;

đ) Bố trí kinh phí cho các hoạt động giáo dục văn hóa, xã hội, thể thao, quốc phòng - an ninh và ngoại ngữ để hội nhập quốc tế, quảng bá hình ảnh, nâng cao vị thế quốc gia.

*Về khuyến khích xã hội hóa* ***(Điều 8.4)****:* Khuyến khích xã hội hóa, huy động nguồn lực hợp pháp từ tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để phát triển giáo dục; bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả; đồng thời cho phép áp dụng cơ chế, thủ tục rút gọn đối với một số dự án đầu tư công quan trọng trong lĩnh vực giáo dục.

*Về miễn phí sách giáo khoa* ***(Điều 8.5)****:* Chính sách góp phần giảm bớt gánh nặng tài chính cho xã hội, thực hiện công bằng trong giáo dục, thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, đảm bảo mọi học sinh, không phân biệt hoàn cảnh, đều có đủ điều kiện học tập tối thiểu.

*Về cơ chế ưu đãi đầu tư vượt trội cho giáo dục* ***(Điều 8.6)****:* Chính phủ quy định cơ chế ưu đãi đầu tư vượt trội cho giáo dục, bao gồm:

a) Quy định diện tích tối thiểu, quy chuẩn, tiêu chuẩn cơ sở vật chất giáo dục từng bước tiệm cận khu vực, quốc tế;

b) Ưu tiên quỹ đất sạch, giao đất sạch cho phát triển giáo dục; cho phép chuyển đổi phù hợp mục đích sử dụng đất sang đất giáo dục;

c) Thực hiện miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất đối với cơ sở giáo dục trong nước theo quy định của pháp luật, phù hợp khả năng cân đối ngân sách;

d) Không áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thục hoạt động không vì lợi nhuận theo quy định pháp luật thuế hiện hành;

e) Ưu tiên sử dụng trụ sở cơ quan nhà nước dôi dư sau sắp xếp cho cơ sở giáo dục; cho phép cho thuê công trình thuộc sở hữu nhà nước đối với cơ sở giáo dục tư thục theo quy định của pháp luật.

*Về vai trò của Đại học Quốc gia* ***(Điều 8.7)****:* Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội và Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh được giao thẩm quyền, trách nhiệm như của người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương trong việc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước của đơn vị theo quy định của pháp luật về đầu tư công và quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

**V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)**

**VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH**

**1. Dự kiến nguồn lực thi hành Nghị quyết**

1.1. Về nhân lực

Các chính sách nêu trên khi được thông qua và ban hành, các cơ quan, tổ chức thuộc đối tượng điều chỉnh có trách nhiệm thực thi, không phát sinh thêm bộ máy, biên chế trong tổ chức thi hành Nghị quyết, không có tác động liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới.

1.2. Về kinh phí: Dự kiến kinh phí để thi hành Nghị quyết từ nguồn ngân sách nhà nước cấp theo quy định và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Cụ thể:

- Từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, được bố trí theo các quy định đặc thù tại Điều 4 của dự thảo Nghị quyết, đảm bảo không vượt quá tỷ lệ chi tối thiểu 20% tổng chi NSNN cho giáo dục và đào tạo, trong đó chi cho giáo dục đại học không thấp hơn 3% tổng chi NSNN cho giáo dục và đào tạo.

- Từ các nguồn xã hội hóa, đầu tư của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thông qua các cơ chế ưu đãi vượt trội về đất đai, thuế, tín dụng và hợp tác công - tư.

- Từ các nguồn tài trợ, viện trợ và các nguồn hợp pháp khác, đặc biệt thông qua Quỹ Đổi mới và Phát triển giáo dục Quốc gia.

- Từ nguồn lực hợp pháp khác.

**2. Điều kiện để đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết**

Điều kiện để đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các địa phương theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức phổ biến, tuyên truyền, giáo dục Nghị quyết và các quy định liên quan; Bộ GDĐT xây dựng nội dung thông tin, truyền thông các quy định cơ bản của Nghị quyết kịp thời đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để biết và thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện: Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong Nghị quyết, ngoài nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ, viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Nghị quyết.

**3. Thời gian trình thông qua/ban hành Nghị quyết**

Nghị quyết 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 *giao Đảng ủy Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, hoàn thiện pháp luật về đổi mới, phát triển giáo dục và đào tạo; phối hợp chặt chẽ với Đảng ủy Chính phủ thể chế hóa thành Nghị quyết đặc thù về một số chủ trương, chính sách nêu trong Nghị quyết này và bố trí đủ nguồn lực để* ***thực hiện ngay từ năm 2025.***

Căn cứ theo nội dung tại Thông báo Kết luận số 3323/TB-VPQH ngày 11/9/2025 về kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh Chương trình lập pháp năm 2025 và bổ sung các dự án luật, nghị quyết vào dự kiến chương trình Kỳ họp thứ 10 (tháng 10/2025): *Căn cứ theo quy định tại* ***khoản 2 Điều 26 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật*** *và hướng dẫn tại Văn bản số 1240/UBTVQH15-PLTP ngày 28/3/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, các cơ quan có liên quan không tiếp tục đề nghị bổ sung vào Chương trình lập pháp năm 2025 mà tập trung hoàn thiện hồ sơ dự án luật, nghị quyết theo quy định để gửi các cơ quan của Quốc hội thẩm tra, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến, đồng thời quyết định bổ sung vào chương trình Kỳ họp thứ 10.*

Thực hiện ý kiến chỉ đạo trên, để đảm bảo kịp thời triển khai trong năm 2025, Nghị Quyết được xây dựng Nghị quyết theo trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định tại Điều 50 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (đã được sửa đổi, bổ sung) và trình Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội Khóa XV diễn ra vào tháng 10/2025.

**VI. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN**

Từ nội dung báo cáo nêu trên, căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ GDĐT kính trình Chính phủ phê duyệt hồ sơ dự án Nghị quyết để trình Quốc hội và giao Bộ trưởng Bộ GDĐT thay mặt Chính phủ thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội về dự án Nghị quyết và phối hợp với các cơ quan của Quốc hội trong quá trình thẩm tra dự án Nghị quyết.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo ***Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*** , xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

*Xin trình kèm:*

*(1) Dự thảo Nghị quyết;*

*(2) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp và báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của BTP;*

*(3) Bản rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo*

*(4) Bản tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý về dự án Nghị quyết.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);  - Phó Thủ tướng Lê Thành Long (để báo cáo);  - Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);  - Lưu: VT, PC. | **BỘ TRƯỞNG**    **Nguyễn Kim Sơn** |

1. Theo UNDP, Việt Nam đứng thứ 5 ASEAN về bình đẳng trong giáo dục, với chỉ số tỉ lệ bất bình đẳng lên tới 15,3%. Tỉ lệ học sinh theo học cấp THPT hoặc Trung cấp tính trung bình toàn quốc đạt khoảng 80%, trong khi một số tỉnh chưa đạt 50%. [↑](#footnote-ref-1)
2. Tính đến tháng 4/2025, cả nước còn thiếu 102.097 giáo viên mầm non, phổ thông trong biên chế so với định mức quy định; 73.183 phòng học chưa được kiên cố hoá (14,6%); tỉ lệ thiết bị dạy học tối thiểu đáp ứng nhu cầu dạy học chỉ đạt 50,9%. [↑](#footnote-ref-2)
3. Tỉ lệ sinh viên trên giảng viên tính trung bình toàn quốc là 26,5:1, trong khi ở các đại học hàng đầu khu vực chỉ khoảng 10:1 tới 12:1. Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ tính chung cả nước chỉ đạt 33%, trong khi ở các nước tiên tiến thường trên 60%. Trong chỉ số GII năm 2024, chỉ số về giáo dục sau trung học phổ thông đứng thứ 5 ASEAN và 88 thế giới. [↑](#footnote-ref-3)
4. Tính tới cuối năm 2024, chỉ khoảng 15,3% lao động có trình độ cao đẳng và đại học trở lên, trong khi ở các nước tiên tiến trên 40%. Tính trên một vạn dân, năm 2021 Việt Nam có 7,7 nhà nghiên cứu tương đương toàn thời gian, trong khi ở Trung Quốc là 18, Singapore là 60, Hàn Quốc là 90. [↑](#footnote-ref-4)
5. Tính trên một triệu dân, năm 2023 Việt Nam chỉ có 32 NCS các ngành STEM, chỉ bằng 1/30 của Đức (961), 1/25 Ireland (807), 1/18 của Israel (585) và 1/20 Hàn Quốc (651). [↑](#footnote-ref-5)